

Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm + Tự luận

Thời gian: 60 phút

Phân môn Lịch sử:

- Bài 16. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển biến kinh tế, xã hội, văn hóa của Việt Nam thời Bắc thuộc.
- Bài 17: Đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thời Bắc thuộc.
- Bài 18: Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X.
- Bài 19: Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X.

Phân môn Địa lí:

- Bài 13: Thời tiết và khí hậu. Các đới khí hậu trên trái đất.
- Bài 17: Sông và Hồ
- Bài 18. Biển và đại dương
- Bài 19: Lớp đất và các nhân tố hình thành đất. Một số nhóm đất điển hình.

Lưu ý: Học sinh ôn lại kĩ nội dung các bài, tham khảo một số dạng câu hỏi ôn tập để kiểm tra đạt kết quả cao.

I. TỰ LUẬN

Câu 1: Diễn biến, kết quả, ý nghĩa của trận chiến trên sông Bạch Đằng.

Diễn biến:

- Cuối năm 938, Lưu Hoằng Tháo kéo quân vào nước ta theo đường biển.
- Ngô Quyền cho thuyền ra nhử giặc vào cửa sông Bạch Đằng lúc thủy triều lên.
- Lưu Hoằng Tháo đốc quân đuổi theo vượt qua bãi cọc.
- Thủy triều rút, Ngô Quyền hạ lệnh đốc toàn lực lượng đánh trở lại.
- Quân Nam Hán bỏ chạy, thuyền va vào bãi cọc vỡ tan tành.
- Quân ta từ trên đánh xuống, từ 2 bên bờ đánh sang, trận đánh quyết liệt.

Kết quả:

- Quân địch bỏ thuyền nhảy xuống sông, phần bị giết, phần bị chết đuối, thiệt hại đến quá nửa.
 - Lưu Hoằng Tháo bị thiệt mạng trong đám loạn quân
 - Vua Nam Hán vội vã hạ lệnh thu quân về nước.
- =>Trận Bạch Đằng của Ngô Quyền kết thúc hoàn toàn thắng lợi.

Ý nghĩa lịch sử:

- Đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Nam Hán.
- Thể hiện ý chí quyết tâm đấu tranh chống xâm lược của dân tộc ta.
- Đã bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc và mở ra thời đại độc lập đối với dân tộc ta.

Câu 2: Hãy chứng minh rằng tài nguyên nước ngọt rất quan trọng đối với sinh hoạt và sản xuất của con người.

- Nước ngọt là một trong những tài nguyên quan trọng hàng đầu và không thể thiếu trong sinh hoạt và sản xuất của con người.

+ Trong đời sống: Nước ngọt dùng để phục vụ cho việc ăn uống, tắm rửa, sinh hoạt, nấu ăn,...

+ Trong sản xuất: Nước ngọt đặc biệt quan trọng đối với ngành nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi). Ngoài ra nguồn nước ngọt còn dùng trong công nghiệp, nuôi trồng thủy sản....

Bản thân em đã làm những việc gì để góp phần bảo vệ nguồn nước?

.....
.....
.....

Câu 3: Chất hữu cơ chiếm tỉ lệ như nào trong thành phần của đất? Tại sao chất hữu cơ có ý nghĩa quan trọng đối với cây trồng.

Chất hữu cơ chiếm tỉ lệ nhỏ trong đất (chỉ chiếm 5%) nhưng có ý nghĩa quan trọng đối với cây trồng vì:

- Chất hữu cơ được phân hủy từ xác động, thực vật và thường ở tầng trên cùng của đất, nguồn dinh dưỡng cho cây trồng.
- Cung cấp những chất cần thiết cho các thực vật tồn tại trên mặt đất.

II. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Hai thứ thuế bị nhà Hán đánh nặng nhất là:

- A. Thuế rượu và thuế muối
- B. Thuế chợ và thuế đò
- C. Thuế muối và thuế sắt
- D. Thuế rượu và thuế muối

Câu 2: Vì sao nhà Hán tiếp tục thi hành chính sách đưa người Hán sang nước ta?

- A. Để dân ta quen dần tiếng Hán
- B. Để dân ta quen với phong tục tập quán của người Hán
- C. Chúng quyết tâm đồng hóa dân tộc ta
- D. Nhà Hán đã hết đất cho người Hán ở

Câu 3: Lực lượng xã hội nào mới xuất hiện ở Việt Nam dưới thời Bắc thuộc?

- A. Địa chủ người Hán.
- B. Nông dân công xã.
- C. Quý tộc (Lạc hầu, Lạc tướng...).
- D. Nô tì.

Câu 4: Yếu tố tích cực nào của văn hoá Trung Hoa được truyền bá vào Việt Nam trong thời Bắc thuộc?

- A. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.
- B. Nhuộm răng đen, xăm mình.
- C. Làm bánh chưng, bánh giầy dịp lễ tết.
- D. Kỹ thuật bón phân bắc trong trồng trọt.

Câu 5: Dưới thời Bắc thuộc, nghề thủ công mới xuất hiện ở nước Việt Nam là:

- A. Làm giấy.
- B. Đúc đồng.
- C. Rèn sắt.
- D. Làm đồ gốm.

Câu 6: Để giữ gìn tiếng nói và chữ viết của mình, người Việt đã làm gì?

- A. học chữ Hán và viết chữ Hán.
- B. không chấp nhận ngôn ngữ, chữ viết ngoại lai.
- C. chỉ sử dụng tiếng nói của tổ tiên mình.
- D. tiếp thu chữ Hán, nhưng vẫn sử dụng tiếng Việt.

Câu 7: Phong tục truyền thống nào dưới đây của người Việt cổ vẫn được duy trì trong suốt thời Bắc thuộc?

- A. Tục nhuộm răng đen
- B. Lễ cày tịch điền
- C. Ăn Tết Hàn thực
- D. Đón Tết Trung thu

Câu 8: Mùa xuân năm 40, Hai Bà Trưng dấy binh khởi nghĩa ở:

- A. Hát Môn (Hà Nội).
- B. Luy Lâu (Bắc Ninh).
- C. Núi Nưa (Thanh Hóa).
- D. Dạ Trạch (Hưng Yên)

Câu 9: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43) đã:

- A. mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử Việt Nam.

- B. mở ra thời kì đấu tranh giành độc lập – tự chủ của người Việt.
- C. đánh đổ ách cai trị của nhà Hán, chấm dứt thời Bắc thuộc.
- D. giành được chính quyền tự chủ trong gần 60 năm.

Câu 10: Năm 248, Bà Triệu dấy binh khởi nghĩa, chống lại ách cai trị của:

- A. nhà Hán.
- B. nhà Ngô.
- C. nhà Lương.
- D. nhà Đường

Câu 11: Địa danh nào gắn liền với cuộc kháng chiến theo chiến thuật du kích của Triệu Quang Phục chống quân Lương là:

- A. Động Khuất Lão
- B. Thành Long Biên
- C. Cửa sông Tô Lịch
- D. Đầm Dạ Trạch

Câu 12: Sự ra đời của Nhà nước Vạn Xuân gắn với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Khởi nghĩa Bà Triệu.
- B. Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan.
- C. Khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ.
- D. Khởi nghĩa của Lý Bí.

Câu 13: Anh hùng dân tộc nào được đề cập đến trong câu đố dân gian dưới đây:

“Ai người đánh giặc trên sông
Dựng bãi cọc ngầm, phá quân Nam Hán?”

- A. Ngô Quyền.
- B. Dương Đình Nghệ.
- C. Khúc Thừa Dụ.
- D. Khúc Hạo.

Câu 14: Nét độc đáo về nghệ thuật quân sự của trận Bạch Đằng năm 938 do Ngô Quyền tổ chức là gì?

- A. Chủ động rút lui chiến lược tạo thế trận kháng chiến lâu dài.
- B. Thực hiện chiến công thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng.
- C. Lợi dụng thủy triều và địa thế tự nhiên để tổ chức trận địa mai phục.
- D. Cả A,B,C đều sai.

Câu 15: Hồ và sông ngòi không có giá trị nào sau đây?

- A. Thủy sản.
- B. Giao thông.
- C. Du lịch.
- D. Khoáng sản.

Câu 16: Ở vùng vĩ độ cao, nước sông dâng nhanh, chảy mạnh do

- A. mưa lớn
- B. nước ngầm.
- C. băng tuyết tan
- D. nước ao, hồ.

Câu 17: Em hãy cho biết chi lưu là gì?

- A. Lượng nước chảy ra mặt cắt ngang lòng sông
- B. Diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông
- C. Các con sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính
- D. Các con sông đổ nước vào con sông chính

Câu 18: Hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương gọi là

- A. sóng biển.
- B. dòng biển.
- C. thủy triều.
- D. triều cường.

Câu 19: Nguyên nhân chủ yếu gây ra sóng thần là do đâu?

- A. Động đất ngầm dưới đáy biển.
- B. Sự thay đổi áp suất của khí quyển.
- C. Chuyển động của dòng khí xoáy.
- D. Bão, lốc xoáy.

Câu 20: Cửa sông là nơi dòng sông chính

- A. xuất phát chảy ra biển.
- B. tiếp nhận các sông nhánh.

C. đổ ra biển hoặc các hồ.

D. phân nước cho sông phụ.

Câu 21: Nơi gặp nhau của các dòng biển nóng, lạnh có hoạt động kinh tế - xã hội nào dưới đây phát triển mạnh nhất?

A. Khai thác khoáng sản biển.

B. Đánh bắt thủy – hải sản.

C. Du lịch biển – đảo.

D. Giao thông vận tải biển.

Câu 22: Trên các biển và đại dương có những loại dòng biển nào sau đây?

A. Dòng biển nóng và dòng biển lạnh.

B. Dòng biển lạnh và dòng biển nguội.

C. Dòng biển nóng và dòng biển trắng.

D. Dòng biển trắng và dòng biển nguội.

Câu 23: Nguyên nhân sinh ra hiện tượng thủy triều là gì?

A. Động đất ở đáy biển.

B. Núi lửa phun.

C. Do gió thổi.

D. Sức hút Mặt Trăng và Mặt Trời.

Câu 24: Các dòng biển nóng thường có hướng chảy từ

A. vĩ độ cao về vĩ độ thấp.

B. vĩ độ thấp về vĩ độ cao.

C. bán cầu Bắc xuống Nam.

D. bán cầu Nam lên Bắc.

Câu 25: Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ trong đất là

A. sinh vật.

B. đá mẹ.

C. địa hình.

D. khí hậu.

Câu 26: Các thành phần chính của lớp đất là

A. không khí, nước, chất hữu cơ và vô cơ.

B. cơ giới, không khí, chất vô cơ và mùn.

C. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.

D. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

Câu 27: Thành phần hữu cơ chiếm bao nhiêu trọng lượng của đất?

A. Chiếm một tỉ lệ lớn

B. Chiếm 50%

C. Chiếm một tỉ lệ nhỏ

D. Chiếm hơn 80%

Câu 28: Đất không có tầng nào sau đây?

A. Hữu cơ.

B. Đá mẹ.

C. Tích tụ.

D. Vô cơ

Câu 29: Khí hậu là hiện tượng khí tượng xảy ra như thế nào?

A. Xảy ra trong một ngày ở một nơi.

B. Xảy ra trong một thời gian ngắn nhất định ở một nơi.

C. Sự lặp đi, lặp lại tình hình thời tiết ở nơi đó.

D. Cả A,B,C đều sai.

Câu 30: Việt Nam thuộc đới khí hậu nào?

A. Đới khí hậu nhiệt đới.

B. Đới khí hậu ôn đới.

C. Đới khí hậu hàn đới.

D. Cả A, B, C đều sai.

-HẾT-